

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIM THÀNH
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10/5/2021

V/v: “*Tranh chấp về
ly hôn, nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Văn Nghĩa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Xuân Tim và bà Nguyễn Thị Quy.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Đinh Quốc Cường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vui - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/4/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04/5/2021 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1976.

* *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Thôn P, xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương.

(*Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, được bổ sung bởi biên bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, Nguyên đơn trình bày:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện K, Hải Dương vào tháng 8/1993; sau đó do vợ chồng bị mất Giấy chứng nhận kết hôn và UBND xã không còn sổ đăng ký kết hôn gốc nên đến tháng 7/2017 chị và anh Q đã đăng ký kết hôn lại tại UBND xã T (nay là xã T1, huyện K, Hải Dương). Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị sinh sống tại xã T1, huyện K. Chị và anh Q chung sống hạnh phúc đến khoảng năm 2000 – 2019 thì phát sinh mâu thuẫn do anh Q chơi bời cờ bạc, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con và có quan hệ ngoại tình. Chị và gia đình đã khuyên bảo anh Q rất nhiều lần, nhưng anh Q có tính cách gia trưởng, bảo thủ nên không nghe và không thay đổi; mâu thuẫn vợ

chồng từ đó ngày càng trầm trọng dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, anh Q xúc phạm và đánh đập chị. Do vẫn nghĩ đến gia đình và các con nên chị cố gắng chịu đựng, nhưng do anh Q không thay đổi, vẫn thường xuyên chửi bới, xúc phạm, đánh đập. Ngày 21/2/2021 khi chị đi làm thì anh Q xúc phạm, chửi bới; đến buổi trưa chị về thì anh Q vẫn tiếp tục xúc phạm, chửi bới chị trước mặt các con và vứt hết quần áo của chị ra ngoài và đuổi chị đi. Em dâu chị ở gần đó gọi điện cho chính quyền vào can thiệp, sau đó chị cùng 02 con là cháu T, Cháu T1 về gia đình bố mẹ đẻ chị cũng ở gần đó sinh sống cho đến nay. Từ khi vợ chồng sống ly thân thì anh Q cũng không sang động viên, khuyên bảo chị về để vợ chồng tiếp tục chung sống. Chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống không còn tình cảm, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

- *Về con chung*: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 14/6/1996; cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2001 và cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/4/2009. Hiện nay cháu Q và cháu T đều đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết; Cháu T1 do chưa đủ 18 tuổi nên chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con cháu, chị tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng*: Vợ chồng chị sẽ tự thỏa thuận về tài sản chung, nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn*: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho bị đơn và triệu tập bị đơn đến Tòa án để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và cung cấp tài liệu chứng cứ. Tuy nhiên tất cả các lần Tòa án triệu tập cũng như phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, bị đơn đều vắng mặt không có lý do.

Quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ về mâu thuẫn vợ chồng, về nuôi dưỡng con chung; cụ thể như sau:

- *Xác minh tại UBND xã T, huyện K*: Chị T và anh Q đăng ký kết hôn từ năm 1993, nhưng do mất giấy chứng nhận kết hôn và UBND không còn lưu giữ Sổ đăng ký kết hôn nên chị T và anh Q đã làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND xã T kết hôn vào tháng 7/2017, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do anh Q mãi chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con dẫn đến thường xảy ra cãi cọ, đánh nhau phải nhờ chính quyền thôn hoà giải. Vợ chồng đã sống ly thân, chị T đã chuyển về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống.

- *Bà Nguyễn Thị Năm (mẹ đẻ chị T) khai*: Vợ chồng chị T, anh Q thường xuyên xảy ra mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân do anh Q chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con. Gia đình bà gần nhà chị T, anh Q nên nhiều lần trực tiếp chứng kiến việc anh Q chửi chị T, lôi cả tên vợ chồng bà ra chửi, nhiều lần anh Q đã đuổi chị T về nhà bà; nhiều lần gia đình bà đã khuyên bảo chị T để quay về chung sống với anh Q, nhưng từ khoảng 02 năm trở lại đây thì do thấy chị T quá khổ nên bà không dám

khuyên bảo sơ chị T có suy nghĩ tiêu cực. Từ ngày 21/2/2021 do anh Q chửi bới, đánh đập nên chị T và con là cháu Nguyễn Văn T1 đã về gia đình bà sinh sống cho đến nay. Nếu vợ chồng chị ly hôn và chị được quyền nuôi con thì gia đình bà vẫn tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện cho mẹ con chị T về chỗ ở cũng như trong việc trông nom, chăm sóc con cái.

- Ông Nguyễn Văn M (bố đẻ anh Q) khai: Mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Q chị T có nguyên nhân do anh Q mãi chơi bời, không quan tâm gì đến gia đình, vợ con và có việc đánh bạc, quan hệ ngoại tình dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi cọ, đánh nhau. Hai bên gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng mâu thuẫn vợ chồng không được khắc phục. Do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T đã bỏ về gia đình bố mẹ đẻ sinh sống từ ngày 20/2/2021 cho đến nay, vợ chồng không còn quan tâm đến nhau.

- Cháu Nguyễn Văn T1 (con đẻ chị T, anh Q khai): Chị T và anh Q mâu thuẫn đã lâu, anh Q thường xuyên chửi chị T. Ngày 21/02/2021, do bị anh Q chửi bới và đuổi nên cháu cùng mẹ, chị gái đã về gia đình bà ngoại sinh sống cho đến nay. Nếu bố mẹ ly hôn thì cháu có nguyện vọng được ở với mẹ để đảm bảo cho việc nuôi dưỡng cũng như học tập.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Q và giải quyết vấn đề nuôi con chung khi ly hôn.

* Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do.

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật và của Tòa án; bị đơn không chấp hành quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Về con chung: Đối với cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 14/6/1996 và cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2001 đều đã trên 18 tuổi, chị T không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/4/2009; thời điểm thực hiện quyền và nghĩa vụ đối với con chung tính từ tháng 5/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra việc giải quyết. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn hiện đang cư trú, sinh sống tại huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 04/5/2021, Tòa án nhân dân huyện Kim Thành đã mở phiên tòa để xét xử vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự, tuy nhiên tại phiên tòa bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập cho bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay Nguyên đơn đề nghị xử vắng mặt, Bị đơn mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng tại phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện K, tỉnh Hải Dương nên quan hệ hôn nhân là hợp pháp.

[3] Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thu thập trong quá trình giải quyết vụ án, xác định: Trong thời kỳ hôn nhân thì vợ chồng chị T và anh Q phát sinh mâu thuẫn, mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhưng cuộc sống tình cảm vợ chồng không được cải thiện. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập bị đơn đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn; triệu tập các đương sự để tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng bị đơn đều vắng mặt không có lý do; điều này không những thể hiện sự không tuân thủ, chấp hành quy định của pháp luật của anh Q mà còn thể hiện không có nguyện vọng đoàn tụ vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân kéo dài, trong suốt quá trình giải quyết vụ án vợ chồng vẫn tiếp tục sống ly thân, bị đơn cũng không có những biện pháp cụ thể để khắc phục mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng; đến thời điểm hiện tại vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau; sống bỏ mặc, không quan tâm đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn xác định vợ chồng không còn tình cảm và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn; do vậy, có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn Q.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 14/6/1996; cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2001 và cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/4/2009. Khi ly hôn, chị T xác định cháu Q và cháu T đều đã trên 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết; chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung chưa

thành niên là cháu Nguyễn Văn T1 và tự nguyện không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Xét yêu cầu này thì thấy: Đối với 02 con chung là cháu Q, cháu T đều đã trên 18 tuổi nên không đặt ra xem xét, giải quyết; đối với cháu Nguyễn Văn T1 thì từ khi vợ chồng sống ly thân thì chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu; chị có công việc và thu nhập ổn định, đảm bảo cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung và Cháu T1 có nguyện vọng được ở với mẹ. Mặt khác quá trình Tòa án xem xét giải quyết yêu cầu khởi kiện đã triệu tập anh Q đến để trình bày quan điểm đối với yêu cầu khởi kiện của chị T; nguyện vọng về việc nuôi con chung và cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng anh Q đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc và học tập của con chung, cần giao cháu Nguyễn Văn T1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và phù hợp quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] *Về tài sản, nợ chung vợ chồng*: Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí, lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lý do trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* *Căn cứ*: Điều 39 của Bộ luật dân sự. Các Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân gia đình. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

* *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T*:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với Nguyễn Văn Q.

- *Về con chung*: Xác định chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Văn Q có 03 con chung là cháu Nguyễn Thị Q, sinh ngày 14/6/1996; cháu Nguyễn Thị T, sinh ngày 06/02/2001 và cháu Nguyễn Văn T1, sinh ngày 21/4/2009. Cháu Q, cháu T đều đã trên 18 tuổi, nguyên đơn không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Giao con chung là cháu Nguyễn Văn T1 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 5/2021 cho đến khi Cháu T1 đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản

trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

+ *Về tài sản, nợ chung vợ chồng:* Nguyên đơn không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm; được đối trừ với số tiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0001688 ngày 22/01/2021. Chị T đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm; vắng mặt các đương sự. Báo cho các đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6;7;9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND huyện Kim Thành.
- Chi cục THADS huyện Kim Thành.
- UBND xã T, Kim Thành.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Chu Văn Nghĩa